TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2020/DS-ST
Ngày: 17/01/2020
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Như và bà Điểu Thị Hương
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2019/TLST - DS ngày 08/10/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- DS ngày 17/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HPT ngày 02/01/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị T, sinh năm 1976 *(có mặt)*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1961*(vắng mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1976*(có mặt)*
- Ông Vũ Văn K, sinh năm 1964*(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019 cùng các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị T trình bày:

Ngày 16/12/2017, bà Châu Thị T cho bà Nguyên Thị Ngọc H vay số tiền 40.000.000 đồng, đến ngày 29/4/2018 bà T tiếp tục cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng. Cả 02 lần vay đều có viết giấy biên nhận tiền do bà H tự viết và có chữ ký của bà H, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Do có nhu cầu thu hồi vốn, bà T đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng bà H trốn tránh, sau đó bà T đã làm thông báo trả nợ ngày 17/9/2019 và gửi cho bà H yêu cầu trả số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Tuy nhiên, đến nay bà H vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà T.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Vũ văn K trả cho mình số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và 11.175.000 đồng tiền lãi (tính theo lãi suất Ngân Hng).

Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được triệu tập hợp lệ nên không có ý kiến trình bày

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc A trình bày:

Ông A và bà T là vợ chồng, số tiền mà bà T cho bà H vay là tài sản trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của ông và bà T, việc vay tiền ông cũng có biết và ông thống nhất với yêu cầu của bà T, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà H có vay bà T số tiền 70.000.000 đồng, ông thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy vay tiền là của bà H và thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng mình. Ông K đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cho bà T nhưng xin trả góp vì không có điều kiện trả một lần, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến Hnh mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt nên không hòa giải được, đã tiến Hnh phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Vũ Văn K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc, tuy nhiên bà xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền gốc trên do bị đơn có khó khăn đang phải đi làm thuê kiếm tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến Hnh các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp Hnh đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp Hnh quy định của pháp luật, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu rút một phần tiền lãi suất của nguyên đơn và buộc bị đơn nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tung: Bị đơn có nơi cư trú tại xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Ngày 16/12/2017 và ngày 29/4/2018 bà Nguyễn Thị

Ngọc H có viết giấy nhận nợ với bà Châu Thị T với số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Do phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn bà Châu Thị T khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện trên thuộc Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến Hnh các thủ tục xác minh, niêm yết văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về pháp luật áp dụng: hợp đồng vay tài sản trên được ký kết ngày 16/12/2017 và ngày 29/4/2018 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ lien quan, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận hợp đồng vay tài sản vào ngày 16/12/2017 và ngày 29/4/2018, hai bên có lập có giấy nhận nợ với nội dung: " tôi Nguyễn Thị Ngọc H sinh năm 1961 có mượn của T số tiền 40.000.000đ và 30.000.000đ" và có ký tên người vay. Xét hợp đồng vay trên là hợp đồng vay không có thời hạn, các bên cam kết là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức, không vi phạm pháp luật theo đúng quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Sau khi thông báo yêu cầu bên bị đơn bà H trả nợ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo và đã giử cho bị đơn. Tuy nhiên, hết thời hạn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã yêu cầu quy định tại điều 466 của Bộ luật dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Việc bà Châu Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Vũ Văn K phải có nghĩa vụ trả cho bà số nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: trong các giấy vay tiền chỉ có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà T cũng xác định việc vay tiền chỉ có hai người với nhau. Tuy nhiên, khoản tiền bà T cho bà H vay là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H và chồng là ông Vũ Văn K. Mặt khác, ông K cũng đồng ý xác định khoản vay này là nợ chung của vợ chồng mình. Do vậy, cần buộc bà H và ông K cùng có nghĩa vụ trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà T là phù hợp cần được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay bà Châu Thị T rút một phần đơn khởi kiện về việc tính lãi đối với tiền gốc trên. Xét việc rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất đối với khoản vay trên theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà H và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định = 5% x 70.000.000đ = 3.500.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi của bà Châu Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Vũ Văn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Châu Thị T số nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Vũ Văn K phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 3.500.000đ(ba triệu năm tram nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Châu Thị T 2.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện B theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0017042 ngày 08/10/2019.

Trường hợp án án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- VKS, THA huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng